

**BỘ CÔNG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU  
CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 09/2023/QĐ-TTG NGÀY 12/4/2023 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ  
QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, THẨM QUYỀN, CẤP VÀ QUẢN LÝ THẺ ĐI LẠI DOANH NHÂN APEC  
VỚI QUYẾT ĐỊNH SỐ 09/2023/QĐ-TTG NGÀY 12/4/2023 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ  
QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, THẨM QUYỀN, CẤP VÀ QUẢN LÝ THẺ ĐI LẠI DOANH NHÂN APEC**

<b>QUYẾT ĐỊNH SỐ 09/2023/QĐ-TTG NGÀY 12/4/2023 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, THẨM QUYỀN, CẤP VÀ QUẢN LÝ THẺ ĐI LẠI DOANH NHÂN APEC</b>	<b>DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 09/2023/QĐ-TTG NGÀY 12/4/2023 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, THẨM QUYỀN, CẤP VÀ QUẢN LÝ THẺ ĐI LẠI DOANH NHÂN APEC</b>	<b>THUYẾT MINH</b>
<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Quyết định này quy định về đối tượng được cấp thẻ đi lại doanh nhân APEC; trình tự, thủ tục, thẩm quyền, cấp và quản lý thẻ đi lại doanh nhân APEC đối với doanh nhân Việt Nam; việc xét duyệt nhân sự, cấp chứng nhận tạm trú đối với doanh nhân nước ngoài sử dụng thẻ đi lại doanh	Không sửa đổi, bổ sung	Không sửa đổi, bổ sung Điều này

<p>nhân APEC; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong sử dụng và quản lý thẻ đi lại doanh nhân APEC.</p>		
<p><b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b></p> <p>1. Doanh nhân Việt Nam; doanh nhân nước ngoài.</p> <p>2. Cán bộ, công chức, viên chức có nhiệm vụ tham dự các cuộc họp, hội nghị, hội thảo và các hoạt động về hợp tác, phát triển kinh tế của APEC.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan đến việc xét duyệt, cấp, sử dụng, quản lý thẻ đi lại doanh nhân APEC đối với doanh nhân Việt Nam, xét duyệt nhân sự và cấp chứng nhận tạm trú đối với doanh nhân nước ngoài.</p>	<p>Bãi bỏ Điều này</p>	<p>Nội dung Điều này đã được quy định tại Điều 1 Quyết định 09</p>
<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Thẻ đi lại doanh nhân APEC, gọi tắt là thẻ ABTC, là một loại thẻ do cơ quan có thẩm quyền của nền kinh tế thành viên APEC cấp cho doanh nhân của mình sau khi nhận được sự đồng ý cho phép nhập cảnh từ các nền kinh tế thành viên khác.</p> <p>2. Doanh nhân Việt Nam là những người có</p>	<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Thẻ đi lại doanh nhân APEC, gọi tắt là thẻ ABTC, là một loại thẻ được cấp cho doanh nhân, cho phép nhập cảnh vào các nền kinh tế thành viên APEC mà không cần xin thị thực.</i></p> <p>2. Doanh nhân Việt Nam là những người có quốc tịch Việt Nam, đang làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều này, viết lại khái niệm thẻ ABTC để phù hợp với định nghĩa của khối APEC đưa ra.</p>

<p>quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam và đang làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>3. Doanh nhân nước ngoài là doanh nhân thuộc các nền kinh tế thành viên trong khối APEC đang được xem xét nhân sự hoặc có thể ABTC nhập cảnh Việt Nam.</p>	<p>luật Việt Nam.</p> <p>3. Doanh nhân nước ngoài là doanh nhân thuộc các nền kinh tế thành viên trong khối APEC đang được xem xét nhân sự hoặc có thể ABTC nhập cảnh Việt Nam.</p>	
<p><b>Điều 4. Hình thức thẻ ABTC</b></p> <p>1. Thẻ ABTC có hai dạng là thẻ cứng và thẻ điện tử. Thẻ ABTC cứng và thẻ ABTC điện tử có giá trị pháp lý như nhau.</p> <p>2. Thẻ ABTC cứng là một dạng thẻ có kích thước hình chữ nhật, được in trên chất liệu đặc biệt theo công nghệ chung của các nền kinh tế thành viên và đáp ứng tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.</p> <p>3. Thẻ ABTC điện tử là một dạng thẻ được cấp trên giao diện điện tử thông qua ứng dụng ABTC trên thiết bị điện tử thông minh có kết nối mạng internet.</p> <p>4. Doanh nhân Việt Nam có quyền lựa chọn cấp thẻ ABTC cứng hoặc thẻ ABTC điện tử.</p>	<p>Không sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Không sửa đổi, bổ sung Điều này</p>
<p><b>Điều 5. Thông tin trên thẻ ABTC</b></p> <p>Thẻ ABTC có các thông tin sau: ảnh chân dung, họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính,</p>	<p><b>Điều 5. Thông tin trên thẻ ABTC</b></p> <p>1. Thẻ ABTC có các thông tin sau: ảnh chân dung, họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch, số</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo hoạt động nhập cảnh được thuận lợi.</p>

<p>quốc tịch, số thẻ, ngày hết hạn thẻ, chữ ký, số hộ chiếu, thông tin các nền kinh tế thành viên đồng ý cho nhập cảnh.</p>	<p>thẻ, ngày hết hạn thẻ, chữ ký, số hộ chiếu, thông tin các nền kinh tế thành viên đồng ý cho nhập cảnh.</p> <p><i>2. Thông tin ghi trên thẻ ABTC phải phù hợp với thông tin của hộ chiếu đang sử dụng.</i></p>	
<p><b>Điều 6. Trách nhiệm sử dụng thẻ ABTC</b></p> <p>1. Doanh nhân Việt Nam được cấp thẻ ABTC có trách nhiệm sử dụng thẻ trong việc đi lại để thực hiện các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư, dịch vụ hoặc tham dự các hội nghị, hội thảo và các mục đích kinh tế khác tại các nền kinh tế thành viên; giữ gìn và bảo quản thẻ; không được tự ý tẩy, xóa, sửa chữa hoặc làm sai lệch hình thức, thông tin ghi trên thẻ; không được dùng thẻ vào việc vi phạm pháp luật.</p> <p>2. Doanh nhân Việt Nam được cấp thẻ ABTC phải tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và các quy định khác liên quan đến hoạt động của doanh nhân tại các nền kinh tế thành viên.</p> <p>3. Doanh nhân nước ngoài sử dụng thẻ ABTC phải tuân thủ quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>4. Số hộ chiếu ghi trên thẻ ABTC phải phù hợp với số hộ chiếu đang sử dụng.</p>	<p><b>Điều 6. Trách nhiệm sử dụng thẻ ABTC</b></p> <p>1. Doanh nhân Việt Nam được cấp thẻ ABTC có trách nhiệm sử dụng thẻ trong việc đi lại để thực hiện các hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc tham dự các hội nghị, hội thảo và các mục đích kinh tế khác tại các nền kinh tế thành viên.</p> <p><i>2. Doanh nhân Việt Nam được cấp thẻ ABTC có trách nhiệm giữ gìn và bảo quản thẻ; không được tự ý tẩy, xóa, sửa chữa hoặc làm sai lệch hình thức, thông tin ghi trên thẻ; không được dùng thẻ vào việc vi phạm pháp luật.</i></p> <p>3. Doanh nhân Việt Nam được cấp thẻ ABTC phải tôn trọng và tuân thủ các quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú và các quy định khác liên quan đến hoạt động của doanh nhân tại các nền kinh tế thành viên.</p> <p>4. Doanh nhân nước ngoài sử dụng thẻ ABTC phải tuân thủ quy định của pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>5. Doanh nhân Việt Nam nếu không còn giữ chức vụ trong văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC nêu tại</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung nhằm tạo thuận lợi cho doanh nhân</p>

<p>5. Doanh nhân Việt Nam nếu không còn làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức hoặc không còn giữ các chức vụ nêu tại Điều 9 Quyết định này phải có trách nhiệm trả lại thẻ ABTC cho cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức.</p>	<p>Điều 9 Quyết định này phải có trách nhiệm <i>nộp</i> lại thẻ ABTC cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.</p>	
<p><b>Điều 7. Kiểm soát xuất nhập cảnh đối với doanh nhân mang thẻ ABTC</b></p> <p>1. Thẻ ABTC có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh các nền kinh tế thành viên ghi trên thẻ. Mỗi lần nhập cảnh, người mang thẻ ABTC được các nền kinh tế thành viên cấp chứng nhận tạm trú theo thời hạn quy định của các nền kinh tế thành viên đó.</p> <p>2. Doanh nhân Việt Nam và doanh nhân nước ngoài mang thẻ ABTC có trách nhiệm xuất trình thẻ ABTC và hộ chiếu hợp lệ cho người làm nhiệm vụ kiểm soát xuất nhập cảnh khi xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu của các nền kinh tế thành viên.</p> <p>3. Doanh nhân mang thẻ ABTC được ưu tiên làm thủ tục xuất nhập cảnh tại khu vực dành riêng ở cửa khẩu của các nền kinh tế thành viên.</p>	<p>Không sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Không sửa đổi, bổ sung Điều này</p>
<p><b>Điều 8. Điều kiện được xem xét cấp thẻ ABTC</b></p> <p>1. Điều kiện đối với cơ quan, tổ chức nơi doanh nhân đang làm việc:</p> <p>Có nhu cầu cử nhân sự đi lại thường xuyên,</p>	<p><b>Điều 8. Điều kiện được xem xét cấp thẻ ABTC</b></p> <p>1. Điều kiện đối với cơ quan, tổ chức nơi doanh nhân đang làm việc:</p> <p>Có nhu cầu cử <i>doanh nhân</i> đi lại ngắn hạn <i>tới các</i></p>	<p>Sửa đổi quy định theo hướng bỏ điều kiện đi lại thường xuyên; bỏ điều kiện doanh nghiệp phải có các</p>

<p>ngắn hạn để tham dự các hội nghị, hội thảo, cuộc họp thường niên và các hoạt động về hợp tác, phát triển kinh tế của APEC.</p> <p>2. Điều kiện đối với doanh nghiệp nơi doanh nhân đang làm việc:</p> <p>a) Doanh nghiệp đã có thời gian hoạt động liên tục từ 12 tháng trở lên, chấp hành đúng quy định của pháp luật về thương mại, thuế, hải quan, lao động, bảo hiểm xã hội và các quy định pháp luật liên quan khác;</p> <p>b) Doanh nghiệp phải có các hoạt động ký kết, hợp tác kinh doanh trực tiếp với đối tác của các nền kinh tế thành viên APEC;</p> <p>c) Có nhu cầu cử nhân sự đi lại thường xuyên, ngắn hạn để thực hiện các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư, dịch vụ hoặc các mục đích kinh tế khác tại các nền kinh tế thành viên APEC.</p> <p>3. Điều kiện đối với doanh nhân đề nghị cấp thẻ ABTC:</p> <p>a) Từ đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Đang làm việc, giữ chức vụ thực tế tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp từ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đề nghị cho phép sử dụng thẻ ABTC;</p>	<p><i>nền kinh tế thành viên APEC để tham dự các hội nghị, hội thảo, cuộc họp thường niên hoặc để thực hiện các hoạt động phát triển doanh nghiệp.</i></p> <p>2. Điều kiện đối với doanh nghiệp nơi doanh nhân đang làm việc:</p> <p>a) Doanh nghiệp đã có thời gian hoạt động liên tục từ 12 tháng trở lên, chấp hành đúng quy định của pháp luật về thương mại, thuế, hải quan, lao động, bảo hiểm xã hội và các quy định pháp luật liên quan khác;</p> <p>b) Có nhu cầu cử <i>doanh nhân</i> đi lại ngắn hạn đến các nền kinh tế thành viên APEC để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp.</p> <p>3. Điều kiện đối với doanh nhân đề nghị cấp thẻ ABTC:</p> <p>a) Từ đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Đang làm việc, giữ chức vụ thực tế tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp từ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đề nghị cho phép sử dụng thẻ ABTC;</p> <p>c) <i>Đóng bảo hiểm xã hội tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo chức vụ đề nghị cấp thẻ ABTC từ 12 tháng trở lên;</i></p> <p>e) <i>d) Không thuộc các trường hợp tạm hoãn xuất cảnh theo quy định tại Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.</i></p>	<p>hoạt động ký kết, hợp tác kinh doanh trực tiếp với đối tác của các nền kinh tế thành viên APEC; bỏ điều kiện doanh nghiệp có nhu cầu cử nhân sự đi lại để thực hiện các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư, dịch vụ hoặc các mục đích kinh tế khác.</p>
---	--	--

<p>c) Không thuộc các trường hợp tạm hoãn xuất cảnh theo quy định tại Điều 36 Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.</p>		
<p><b>Điều 9. Đối tượng được xem xét cấp thẻ ABTC</b></p> <p>1. Doanh nhân đang làm việc tại các doanh nghiệp nhà nước:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc các doanh nghiệp, ngân hàng hoặc chi nhánh ngân hàng;</p> <p>b) Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;</p> <p>c) Kế toán trưởng, Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng có liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, thương mại, đầu tư, dịch vụ trong các doanh nghiệp; Trưởng chi nhánh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc doanh nghiệp trực thuộc các tổ chức chính trị - xã hội; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Giám đốc, Phó</p>	<p><b>Điều 9. Đối tượng được xem xét cấp thẻ ABTC</b></p> <p>1. Doanh nhân đang làm việc tại các doanh nghiệp nhà nước:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc các doanh nghiệp;</p> <p>b) Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;</p> <p>c) Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng có liên quan <i>đến hoạt động hợp tác hoặc phát triển doanh nghiệp tại các nền kinh tế thành viên APEC</i>; Trưởng chi nhánh của doanh nghiệp; Kế toán trưởng.</p> <p><i>d) Trợ lý của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc của Chủ tịch Công ty do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm.</i></p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc doanh nghiệp trực thuộc các tổ chức chính trị - xã hội; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt</p>	<p>Sửa đổi quy định theo hướng bổ sung chức vụ “Trợ lý của Chủ tịch HĐQT hoặc Chủ tịch tập đoàn, công ty do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm”; bổ sung diện đối tượng làm việc tại các tổ chức tín dụng được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam; bổ sung diện đối tượng giữ chức vụ tương đương; bỏ điều kiện “có liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh, thương mại, đầu tư, dịch vụ trong các doanh nghiệp” để tạo thuận lợi hơn cho người đề nghị cấp thẻ; bỏ diện đối tượng “viên chức tham dự các hội nghị, hội thảo APEC”.</p>